

**NHỮNG BIẾN ĐỔI CỰC ĐOAN VỀ VĂN HÓA – SINH KẾ DÂN TỘC XINH MUN
(Trường hợp nghiên cứu xã Chiềng Sơ, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên)**

Dương Văn Sơn¹, Lê Văn Bẩy²

Tóm tắt

Với mục tiêu tìm hiểu thực trạng sinh kế và văn hóa của 202 hộ tộc người Xinh Mun đang sinh sống ở xã Chiềng Sơ (huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên), kết quả nghiên cứu cho thấy: tỷ lệ hộ chưa biết chữ cao (57,95%), hộ nghèo đói cao (68,18%), thu nhập bình quân đầu người đạt thấp (2,81 triệu đồng/năm), phân hóa giàu nghèo trong nội bộ cộng đồng đang diễn ra mạnh mẽ (hơn kém nhau 7,94 lần), không gian sinh sống ngày càng bị thu hẹp; cùng với thái độ trông chờ ỷ lại và quan điểm định kiến của cộng đồng bên ngoài đối với dân tộc Xinh Mun đang trở thành một trong những rào cản ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển của cộng đồng Xinh Mun. Các hoạt động sinh kế nông nghiệp được đánh giá kém bền vững, đơn điệu về thành phần và chủng loại hoạt động sinh kế, không đáp ứng nhu cầu đời sống vật chất đồng bào, còn mang nặng tính phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài, từ vật tư đầu vào, đến khoa học công nghệ và thị trường tiêu thụ. Ngoài các hoạt động sinh kế về trồng trọt, chăn nuôi và làm thuê, hầu như người Xinh Mun ở Chiềng Sơ không còn kế sinh nhai nào khác. Nghề đan lát, dệt thổ cẩm ngày xưa nổi tiếng là thế nay hầu như không còn nữa. Cuộc sống vật chất và tinh thần cũng như các hoạt động sinh kế và văn hóa của cộng đồng Xinh Mun nơi đây đang ở mức báo động cao nhất, rất cấp thiết cần những can thiệp để kiểm soát các thay đổi theo hướng tích cực.

Từ khóa: Sinh kế; văn hóa; biến đổi văn hóa; biến đổi sinh kế

**NEGATIVE CHANGES IN CULTURE AND LIVELIHOOD OF XINH MUN ETHNIC GROUP:
CASE STUDY IN CHIENG SO COMMUNE (DIEN BIEN DONG DICSTRIC, DIEN BIEN
PROVINCE)**

Abstract

With the aim at studying current situation of culture and livelihoods of 202 Xinh Mun minority ethnic group households in Chiềng Sơ commune (Điện Biên Đông district, Điện Biên province), the surveyed result has shown that high rate of illiteracy (57.95%), high rate of poor households and poverty (68.18%), low average income (2.81 million VND or 126 USD per person per year), widening gap between the rich and the poor (7.94 times), narrowing living and cultural space, accompanying with eager expectation from outside support and preconceptions of outsiders have been growing barriers effecting the Xinh Mun community development. Agricultural livelihoods are considered unsustainable and rather simple, unable to satisfy the food demand of the community, and dependent upon outside factors, not only including input materials, science and technology but also consumption markets. Beside farming activities on mentioned crops, breeding livestock and being hired labours, Xinh Mun people at Chiềng Sơ commune have no other livelihoods. Famous handicrafts such as wickerwork and weaving have been decreased and gradually disappeared,... Material and cultural life of the Xinh Mun ethnic group is alarmingly in the red line of difficulty level; therefore, it is needed to have an intervention for a positive change.

Key words: Livelihoods; culture; cultural change; livelihood change

1. Đặt vấn đề

Biến đổi văn hóa và sinh kế có tính tất yếu trong quá trình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội. Biến đổi văn hóa là quá trình biến đổi làm cho một trạng thái văn hóa nào đó khác với trạng thái trước đây của chính nó. Biến đổi sinh kế là quá trình biến đổi làm cho hình thức hay loại hình sinh kế nào đó khác với hình thức, loại hình sinh kế trước đây của chính nó. Trong thời kỳ hội nhập, dưới tác động của những yếu tố bên ngoài và theo dòng chảy thời gian, văn hóa và sinh kế có nhiều xu hướng phát triển, biến đổi với những ưu điểm và nhược điểm khác nhau tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể (Hoàng Cầm và Phạm Quỳnh Phương, 2012).

Xinh Mun là tộc người thiểu số sinh sống ở miền Tây Bắc nước ta, tập trung tại hai tỉnh Sơn La và Điện Biên. Họ cư trú ở lưng chừng núi trên dải đất dọc biên giới Việt Nam - Lào. Cuộc sống sinh kế vật chất lam lũ, nghèo khó, dẫn tới hệ lụy là sự suy giảm về văn hóa đang trở nên một vấn đề nghiêm trọng, ảnh hưởng đến sự bảo tồn và phát huy những giá trị bản sắc về sinh kế và văn hóa cộng đồng người Xinh Mun. Vấn đề bảo tồn các giá trị văn hóa và sinh kế của cộng đồng dân tộc thiểu số Xinh Mun đang đặt ra ngày càng trở nên cấp thiết (Chu Thùy Liên, 2013). Mục đích của nghiên cứu này là tìm hiểu thực trạng đời sống văn hóa và sinh kế cộng đồng Xinh Mun nhằm giải quyết các vấn đề vừa có tính lý luận và đặc biệt đi sâu giải quyết các vấn đề có tính thực tiễn đang tồn tại trong đời sống văn hóa, sinh kế của người Xinh Mun, từ đó xác định những biến đổi không tích cực về văn hóa và sinh kế của tộc người này, là cơ sở đề xuất những can thiệp để bảo tồn các giá trị văn hóa và sinh kế bản địa truyền thống, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cộng đồng dân tộc thiểu số Xinh Mun đang sinh sống ở nước ta.

2. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là văn hóa và sinh kế của hộ gia đình và cộng đồng dân tộc thiểu số Xinh Mun, gồm 202 hộ và 1.015 nhân khẩu hiện

đang sinh sống tại xã Chiềng Sơ, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.

Đề tài tập trung nghiên cứu hai nội dung sau đây: (1) Thực trạng về đời sống văn hóa và sinh kế cộng đồng Xinh Mun đang sinh sống tại xã Chiềng Sơ, huyện Điện Biên Đông, (2) Trong thời kỳ hội nhập, những thay đổi không tích cực về văn hóa-sinh kế của dân tộc Xinh Mun đang cư trú tại xã Chiềng Sơ, huyện Điện Biên Đông.

Nghiên cứu sử dụng ba phương pháp sau đây: (1) Quan sát trực tiếp, (2) Chuyên gia chuyên khảo, và (3) Điều tra xã hội học. Trong đó, điều tra xã hội học với công cụ bảng hỏi (phiếu điều tra), là phương pháp chính để thu thập các thông tin liên quan đến văn hóa-sinh kế nông hộ và cộng đồng dân tộc Xinh Mun đang sinh sống tại địa bàn nghiên cứu - xã Chiềng Sơ (huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên). Số lượng mẫu điều tra là 88 hộ dân tộc Xinh Mun hiện đang sinh sống trên địa bàn tại 4 bản (thôn) Nà Ly, Co My, Kéo Lửa và Hin Óng thuộc xã Chiềng Sơ (huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên). Mỗi bản điều tra phỏng vấn 22 hộ được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu phi ngẫu nhiên. Số liệu điều tra được tổng hợp trên phần mềm Excel, phân tích số liệu điều tra trên máy tính bằng công cụ PivotTable. Phân tích thống kê mô tả mẫu bằng việc sử dụng một số đại lượng thống kê thông dụng như độ lệch chuẩn (SD), số trung bình (Mean), sai số chuẩn (SE), hệ số biến động (CV%).

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Kết quả điều tra cho thấy (bảng 1): Người Xinh Mun ở xã Chiềng Sơ hiện nay có học vấn thấp, và đặc biệt tỷ lệ người mù chữ còn ở mức rất cao. Trong tổng số 88 hộ điều tra tại 4 bản của xã Chiềng Sơ thì có tới 51 chủ hộ người Xinh Mun được cho là mù chữ (tức là không được đi học, học vấn = 0), chiếm tỷ lệ 57,95%. Với 37 chủ hộ (chiếm tỷ lệ 42,05%) được đi học từ lớp 1 đến lớp 12 thì học vấn trung bình của các hộ này là 4,5. Nhóm hộ trung bình có học vấn lớp 4,6 (xấp xỉ lớp 5), cao hơn nhóm hộ nghèo (chỉ học lớp 4,5 theo hệ đào tạo 12 năm học bậc phổ thông). Qua sử lý thống kê trên độ lớn mẫu là 37 hộ có đi học, ta thấy độ lệch chuẩn

(SD) là 2,9 và hệ số biến động (CV) là 63,1%, chứng tỏ sự biến động về học vấn chủ hộ người Xinh Mun khá lớn trong điều kiện sai số chuẩn (SE) là 0,5.

Nhìn chung, ta thấy có mối quan hệ tương quan tỷ lệ thuận giữa thành phần kinh tế và tỷ lệ chủ hộ biết chữ. Theo đó, nếu kinh tế càng yếu kém, càng nghèo thì tỷ lệ chủ hộ biết chữ càng thấp. Tỷ lệ chủ hộ còn mù chữ, chưa biết đọc biết viết ở mức rất cao và học vấn thấp được coi là một vấn đề về văn hóa người Xinh Mun hiện đang sinh sống tại xã Chiềng Sơ, rất đáng được quan tâm chú ý. Cùng với nạn mù chữ là tình trạng nghèo đói và bần cùng hóa cũng là vấn đề cần được xem xét. Kết quả điều tra cho thấy (bảng 1): Trong tổng số 88 hộ điều tra thì có tới 60 hộ thuộc diện nghèo đói, chiếm tỷ lệ 68,18%,

cao hơn tỷ lệ nghèo đói của cả xã Chiềng Sơ (62,11%). Có 4 hộ cận nghèo (chiếm 4,55%) và 24 hộ có kinh tế thuộc nhóm trung bình, chiếm tỷ lệ 27,27%. Như vậy, nghèo đói và bần cùng hóa là vấn đề nghiêm trọng, đang đe dọa đến cuộc sống mà cộng đồng người Xinh Mun đang sinh sống tại xã Chiềng Sơ hàng ngày phải đối mặt, phải oằn mình để mưu sinh, kiếm kế sinh nhai cho qua ngày, qua tháng. Nghèo đói bần cùng hóa và tỷ lệ hộ nghèo còn quá lớn, cộng với việc thiếu đất sản xuất, thiếu đất canh tác, thiếu việc làm, thái độ trông chờ ỷ lại của một bộ phận không nhỏ người dân tộc Xinh Mun cùng với các nguyên nhân khác (sẽ được tìm hiểu trong các mục tiếp theo) đang đặt ra cho xã Chiềng Sơ nhiều thách thức trong việc tìm lời giải cho bài toán thoát nghèo.

Bảng 1: Tỷ lệ chủ hộ biết chữ, phân loại kinh tế hộ và học vấn

Phân loại kinh tế hộ	Tỷ lệ hộ theo phân loại kinh tế (%)	Tỷ lệ chủ hộ biết chữ (%)	Học vấn (bình quân lớp)
Nghèo	68,18	35,0	4,5
Cận nghèo	4,55	50,0	4,5
Trung bình	27,27	58,3	4,6

Nguồn: Trần Văn Thượng (2016)

Truyền thống cư trú theo cấu trúc bản làng dựa vào không gian vùng rừng núi, coi trọng nguồn nước, kề cận núi rừng đang bị thay thế bởi những ngôi làng bản của người Xinh Mun hiện nay không còn giữ được truyền thống cư trú đó. Làng bản nay được xây dựng theo cấu trúc tán dọc, thường chạy dọc theo đường giao thông, xa nguồn nước, ra rừng, nên làng bản thường bị trợ lực lưng chừng núi, không có cây cối bao quanh, không còn rừng, rất mong manh và dễ bị tổn thương. Không gian sinh sống của người Xinh Mun trước đây là rừng núi, khe suối, thác nước, rừng cây, thung lũng,... Nay rừng không còn, không cây cối, thay vào đó là đồi núi trọc, sông suối chết. Sự hạn chế và chật hẹp về không gian sinh sống, không gian cư trú của tộc người Xinh Mun là nguyên nhân sâu xa dẫn đến nghèo đói và bần cùng hóa.

Trường Phổ thông dân tộc THCS bán trú xã Chiềng Sơ có 348 học sinh thì có 130 em là người Xinh Mun, chiếm tỷ lệ 37,4% học sinh

toàn trường. Trường có 10 lớp với 24 thầy cô giáo, không có thầy cô nào là người dân tộc Xinh Mun. Đây cũng là một trong những khó khăn trở ngại ảnh hưởng đến việc dạy và học của các em học sinh dân tộc Xinh Mun. Học sinh là con em người Xinh Mun được đánh giá có kết quả học tập và rèn luyện kém nhất so với người Mông và Thái (Trần Văn Thượng, 2016). Sự mất lòng tin của người dân tộc Xinh Mun đã đeo đẳng họ ngay từ khi còn bé, khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Người dân tộc Xinh Mun có thể đã nhận ra sự lạc hậu một cách tương đối của mình hoặc có thể được làm cho tin tưởng vào điều đó. Cũng chính điều này khiến các em học sinh người Xinh Mun không có tiếng nói ngay từ khi còn ngồi trên lớp. Theo ý kiến của những người viết bài này, cùng với thái độ chông chờ ỷ lại đến từ chính người Xinh Mun và quan điểm thành kiến, định kiến của cộng đồng bên ngoài đối với dân tộc Xinh Mun đang trở thành một trong những rào cản ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển

của cộng đồng Xinh Mun. Nói cách khác, sự tự ty, mặc cảm, có ít có tiếng nói trong xã hội của người Xinh Mun có thể đến từ hai phía: (1) Chính bản thân người Xinh Mun, và (2) Môi trường bên ngoài, do chính chúng ta đã không tạo ra một môi trường để họ có thể tự chủ, tự kiểm soát nguồn lực để tự phát triển nguồn lực và phát triển cộng đồng để họ có thể tự vệ và chống lại những cú “sốc” đến từ bên ngoài.

Theo đánh giá của UBND xã Chiềng Sơ [4], trên địa bàn xã hiện chưa có nhà văn hóa xã và nhà văn hóa bản. Hầu hết các hoạt động văn nghệ, hội hè, học tập thường được diễn ra tại nhà của các trưởng bản. Không gian sinh hoạt không có, đã hạn chế một phần các hoạt động văn hóa, văn nghệ nhằm lưu giữ những nét văn hóa cổ truyền của nhân dân địa phương. Văn hóa của người Xinh Mun được biểu hiện bằng sự tiêu dùng và hưởng thụ văn hóa của họ thông qua các phương tiện truyền thông và phương tiện giao thông. Theo điều tra của chúng tôi tại 4 bản Co My, Hin Óng, Kéo Lúa và Nà Ly, cả 4 bản này có 122 hộ có vô tuyến, chiếm tỷ lệ 64,2% tổng số hộ cả 4 bản. Có 141 hộ có điện thoại di động, chiếm 75,7% tổng số hộ cả 4 bản này. Về xe máy - loại phương tiện quan trọng nhất đối với đồng bào đi lại, giao lưu, trao đổi - cả 4 bản có 136 hộ có loại phương tiện giao thông này, chiếm 73,5% tổng số hộ của cả 4 bản. Như vậy, cùng với sự cải thiện về cơ sở hạ tầng nông thôn, các phương tiện để giao thông, để thông tin truyền thông của hộ dân tộc Xinh Mun đã được gia tăng đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của đồng bào. Đây được coi là những thay đổi tích cực về văn hóa đáng ghi nhận.

Qua phân tích kết quả sinh kế tại cộng đồng người dân tộc Xinh Mun sống tại xã Chiềng Sơ cho thấy: các loại nguồn vốn sinh kế, nguồn lực tài sản cho sinh kế bền vững có 5 loại cơ bản là: vốn vật chất (physical capital), vốn tài chính (financial capital), vốn xã hội (social capital), vốn con người (human capital) và vốn tự nhiên (natural capital). Về cơ bản đã các nguồn vốn này đã và đang từng bước được cải thiện cả về chất lượng và số lượng, trong đó đặc biệt chú ý vốn vật chất như: hạ tầng cơ sở được được đầu

tư, nâng cấp, các điều kiện vật chất cho từng hộ gia đình Xinh Mun về cơ bản đã được nâng lên.

Về vốn con người, trong tổng số 88 hộ điều tra, trung bình mỗi hộ có 2,5 lao động và 5,3 nhân khẩu, chứng tỏ nguồn nhân lực không phải là vấn đề đối với cộng đồng Xinh Mun.

Nguồn vốn tự nhiên để tạo dựng các sinh kế như đất đai, nguồn nước, rừng, đất rừng,... Kết quả cho thấy: vốn tự nhiên của dân tộc Xinh Mun rất hạn hẹp và khan hiếm. Trung bình mỗi hộ chỉ có 2.964 m² đất canh tác, do mỗi hộ người Xinh Mun trung bình có 5,3 nhân khẩu nên mỗi nhân khẩu chỉ có 559 m² đất canh tác được đánh giá là quá ít. Mặt khác, diện tích đất canh tác phân bố không đều giữa các nhóm hộ. Theo đó, hộ càng nghèo thì càng có ít đất canh tác hơn. Diện tích đất canh tác tương ứng cho các nhóm hộ trung bình, cận nghèo và nghèo lần lượt là 4.080 m², 3.575 m² và 2.476 m² mỗi hộ. Tuy nhiên với độ lệch chuẩn là 1.750 m² và sai số chuẩn (SE = 187 m²) là khá lớn, chứng tỏ sự biến thiên về diện tích canh tác được đánh giá là khá lớn giữa các hộ điều tra (bảng 2). Như vậy, thiếu đất sản xuất, thiếu đất canh tác, một tư liệu sản xuất đặc biệt là một trong những nguyên nhân dẫn đến đói nghèo của cộng đồng Xinh Mun sống tại nơi đây.

Đất cho canh tác sản xuất ngày càng ít, rừng không còn, đất trồng núi trọc, quyền sở hữu, sử dụng rừng và đất rừng núi không còn, không quản lý được các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Theo điều tra, tất cả 88 hộ đều không có đất rừng, không có rừng nhà, không có rừng cộng đồng, không có rừng làng bản cũng như bất kỳ loại đất nào khác ngoài đất canh tác như đã nói ở trên, cùng với một ít đất để dựng những ngôi nhà cũ kỹ, đơn sơ, thậm chí còn tạm bợ như là để trú mưa, trú nắng, được dựng trên chướng núi, hay cạnh đường giao thông không cây cối.

Sinh kế ngành trồng trọt được đánh giá kém bền vững, đơn điệu về cây trồng gồm: ngô, lúa nước và lúa cạn. Trong đó ngô là cây lương thực truyền thống của đồng bào, nên có tới 100% số hộ đều trồng ngô với diện tích bình quân 1.477 m²/hộ, trong đó hộ nghèo lại trồng ít ngô hơn hộ cận nghèo và hộ trung bình, đó cũng là lý do tại

sao hộ nghèo thiếu ăn. Tuy nhiên, ngô là cây phàm ăn, cần nhiều dinh dưỡng, nên phải bón phân mới cho thu hoạch, bà con phải bón nhiều phân hóa học thay cho phân hữu cơ, làm cho đất bị suy thoái. Hơn nữa ngô lại được trồng độc canh, thiếu các biện pháp quản lý xói mòn, làm đất trồng ngô ngày càng trở nên suy thoái, mất sức sản xuất. Trồng trọt chủ yếu là cây lương thực, hầu như không có rau xanh và các loại cây thức ăn giàu đạm như đậu tương, lạc, vừng,... để bổ sung dinh dưỡng trong khẩu phần ăn hàng ngày. Sinh kế ngành chăn nuôi của người Xinh Mun gồm: nuôi dê, bò, gia cầm, lợn và cá. Đàn lợn và gia cầm thường hay bị dịch bệnh do các hộ thường sống ngay cạnh đường qua lại, nơi có nhiều mầm mống gây dịch bệnh hại đàn gia súc.

Sản xuất ngành chăn nuôi của người Xinh Mun được đánh giá là kém phát triển, lạc hậu, ít đầu tư và điều kiện chuồng trại thấp kém, cùng với sự đánh mất dần các giống vật nuôi bản địa truyền thống như dê. Phương thức chăn nuôi gồm cả nuôi nhốt và thả tự do. Nuôi nhốt ngay cạnh nhà, với điều kiện chuồng trại thấp kém, lại nằm ngay cạnh đường giao thông, vừa gây ô nhiễm môi trường, lại gây mầm mống dịch bệnh cho gia súc gia cầm cũng như ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Như vậy, sinh kế nông nghiệp của cộng đồng Xinh Mun hiện tại được đánh giá kém bền vững, đặc biệt còn phụ thuộc rất nhiều vào hệ thống bên ngoài trong việc cung cấp dịch vụ đầu vào như giống, phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn chăn nuôi,...

Bảng 2: Diện tích canh tác và thu nhập của hộ Xinh Mun

Phân loại kinh tế hộ	Diện tích canh tác (m ² /hộ)	Tổng thu nhập (triệu đồng/hộ/năm)	Thu nhập nông nghiệp (%)	Thu nhập phi nông nghiệp (%)
Nghèo	2.476	11,542	94,5	10,7
Cận nghèo	3.575	17,750	100,0	0,0
Trung bình	4.080	23,133	95,6	7,0
Mean	2.964	14,985	95,0	9,5
SD	1.750	11,895	8,1	9,2
SE	187	1,268	0,9	1,4
CV%	59	79,4	8,6	96,4

Nguồn: Trần Văn Thượng (2016)

Thu nhập tiền mặt của hộ bình quân đạt 14,985 triệu đồng/năm, mỗi hộ có 5,3 khẩu, mỗi khẩu thu 2,810 triệu đồng/năm, được đánh giá là quá thấp. Thu nhập không đều giữa các nhóm hộ, trong đó nhóm hộ nghèo có thu nhập thấp nhất (11,542 triệu đồng/năm/hộ), chưa bằng một nửa so với hộ kinh tế trung bình (thu 23,133 triệu đồng/hộ/năm). Điều đặc biệt, độ lệch chuẩn về thu nhập quá lớn (SD = 11,895 triệu đồng), hệ số biến động lớn (CV = 79,4%), chứng tỏ độ biến thiên về thu nhập giữa các hộ rất lớn (hơn kém nhau là 7,94 lần), đang tạo sự phân hóa mạnh mẽ về thu nhập giữa các hộ dân tộc Xinh Mun sinh sống tại xã Chiềng Sơ. Phân hóa giàu nghèo, phân hóa thu nhập trong nội bộ cộng đồng Xinh Mun đang diễn ra mạnh mẽ. Một số rất ít nhờ có

thế mạnh về điều kiện tự nhiên, điều kiện xã hội đang trở thành những hộ kinh tế vững và khá, trong khi đó đại bộ phận lại đang bị nghèo và bần cùng hóa (bảng 2).

Có tới 100% hộ điều tra đều có thu nhập về nông nghiệp, với cấu trúc thu nhập bình quân từ nông nghiệp đạt tới 95%, chứng tỏ nông nghiệp vẫn là nguồn thu nhập chủ yếu của cộng đồng người Xinh Mun. Riêng thu nhập từ phi nông nghiệp chỉ đến từ 46 hộ, chiếm 52,3% số hộ điều tra, bình quân mỗi hộ thu 9,5% thu nhập từ hoạt động phi nông nghiệp, chủ yếu là đi làm thuê. Với độ lệch chuẩn lớn (9,2%) so với số trung bình (9,5%), nên hệ số biến động lớn (CV = 96,4%), chứng tỏ cấu trúc phân trăm thu nhập về hoạt động phi nông nghiệp cũng rất lớn (hơn

kém nhau trung bình là 9,64 lần) giữa các hộ có thu nhập phi nông nghiệp (bảng 2).

Hoạt động phi nông nghiệp chủ yếu gồm: làm thuê, phụ cấp cán bộ bản, xã và xuất khẩu lao động. Thu nhập tiền mặt từ các hoạt động phi nông nghiệp này bình quân mỗi tháng là 1.207.647 đồng/hộ. Tuy nhiên với độ lệch chuẩn rất lớn (SD = 2.002.262 đồng), sai số chuẩn cao (SE = 343.385 đồng), nên hệ số biến động rất lớn (CV = 165,8%), chứng tỏ số tiền thu từ hoạt động phi nông nghiệp hàng tháng rất biến động giữa các hộ có thu nhập từ phi nông nghiệp (hơn kém nhau tới 16,58 lần) và luôn thay đổi thất thường, không ổn định, chủ yếu do công việc làm thuê thiếu ổn định. Ta thấy, có tới 37 hộ có người đi làm thuê, chiếm 42,05% số hộ điều tra, có 2 hộ thu từ phụ cấp cán bộ bản, xã và chỉ có 1 hộ có thu nhập từ xuất khẩu lao động.

Người Xinh Mun rất thích đi làm thuê, có thể là do tầm nhìn hạn chế, chỉ thấy lợi trước mắt. Do không thể tự sản xuất trên nguồn tài nguyên thiên nhiên ngày càng trở nên hạn hẹp và suy thoái, họ phải đi làm thuê để kiếm lấy đồng tiền mua lương thực và trang trải các chi phí hàng ngày. Vì thế công việc nương rẫy, đồng áng chủ yếu do người phụ nữ đảm nhận, tạo nên gánh nặng trên đôi vai người phụ nữ vừa phải đảm nhận việc nương rẫy lại vừa phải nuôi con và các công việc nội trợ khác trong gia đình khi người đàn ông, người chồng xa nhà. Ngoài các hoạt động sinh kế về trồng trọt, chăn nuôi và làm thuê, hầu như người Xinh Mun ở Chiềng Sơ không còn kế sinh nhai nào khác. Các hoạt động săn bắt, hái lượm không còn vì rừng không còn, sông suối thì đã trở thành dòng sông “chết” vào mùa khô, còn mùa mưa thì nước sông đỏ quạch phù xa, nên tôm cá và các sinh vật trong nước cũng không thể sống nổi. Nghề đan lát, dệt thổ cẩm ngày xưa nổi tiếng là thế nay hầu như không còn nữa. Văn hóa và kế mưu sinh của người Xinh Mun nơi đây đã và đang thay đổi nhiều theo chiều hướng không tích cực. Cuộc sống vật chất và tinh thần của đồng bào Xinh Mun nơi đây thực sự đang ở mức báo động cao nhất, rất cấp thiết cần những can thiệp để thay đổi.

4. Kết luận

Các phân tích trên đây chỉ cho thấy: Trong thời kỳ hội nhập, văn hóa và các sinh kế mưu sinh của người Xinh Mun ở xã Chiềng Sơ (huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên) đã và đang thay đổi nhiều theo chiều hướng không tích cực. Tỷ lệ hộ chưa biết chữ cao ở mức báo động (57,95%), hộ nghèo đói cao (68,18%), thu nhập bình quân đầu người thấp (2,81 triệu đồng/năm), phân hóa giàu nghèo, phân hóa thu nhập trong nội bộ cộng đồng đang diễn ra mạnh mẽ (hơn kém nhau 7,94 lần), không gian sinh sống, không gian sinh kế và không gian văn hóa ngày càng bị thu hẹp... cùng với thái độ trông chờ ỷ lại đến từ chính người Xinh Mun và quan điểm thành kiến, định kiến của cộng đồng bên ngoài đối với dân tộc Xinh Mun đang trở thành một trong những rào cản ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển của cộng đồng Xinh Mun. Sinh kế về trồng trọt của họ tỏ ra kém bền vững và khá đơn điệu về thành phần cây trồng. Các hoạt động sản xuất chăn nuôi trâu, bò, dê được đánh giá là lạc hậu, không còn phù hợp với điều kiện hiện tại của cộng đồng. Mặt khác, các hoạt động sinh kế nông nghiệp không đáp ứng nhu cầu đời sống vật chất đồng bào, còn mang nặng tính phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài, từ vật tư đầu vào từ giống, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật,... đến khoa học công nghệ, thị trường tiêu thụ. Ngoài các hoạt động sinh kế về trồng trọt, chăn nuôi và làm thuê, hầu như người Xinh Mun ở Chiềng Sơ không còn kế sinh nhai nào khác. Các hoạt động săn bắt, hái lượm không còn vì rừng không còn, sông suối thì đã trở thành dòng sông “chết” vào mùa khô, còn mùa mưa thì nước sông đỏ quạch phù xa, nên tôm cá và các sinh vật trong nước cũng không thể sống nổi. Nghề đan lát, dệt thổ cẩm ngày xưa nổi tiếng là thế nay hầu như không còn nữa. Cuộc sống vật chất và tinh thần của đồng bào Xinh Mun nơi đây thực sự đang ở mức báo động cao nhất, rất cấp thiết cần những can thiệp để kiểm soát các thay đổi theo chiều hướng tích cực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Hoàng Cẩm, Phạm Quỳnh Phương. (2012). *Diễn ngôn, chính sách và sự biến đổi văn hóa-sinh kế tộc người*. Báo cáo khoa học. Viện nghiên cứu xã hội, kinh tế và môi trường. 2012.
- [2]. Trần Tiến Khai, Nguyễn Ngọc Danh. (2012). *Quan hệ giữa sinh kế và tình trạng nghèo ở nông thôn Việt Nam*. Báo cáo khoa học. Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. 2012.
- [3]. Chu Thùy Liên. (2013). *Vai trò văn hóa truyền thống dân tộc Thái tỉnh Điện Biên trong tiến trình hội nhập và phát triển*. Đề tài nghiên cứu khoa học. Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Điện Biên. 2013.
- [4]. Trần Văn Thượng. (2016). *Nghiên cứu sự thay đổi văn hóa và hoạt động sinh kế của người dân tộc thiểu số Xinh Mun tại huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên*. Luận văn thạc sĩ Phát triển nông thôn. Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên. 2016.

Thông tin tác giả:

1. Dương Văn Sơn, Phó giáo sư, Tiến sĩ

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

- Địa chỉ email: duongvanson@tuaf.edu.vn

2. Lê Văn Bẩy, Thạc sĩ

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

Ngày nhận: 14/02/2017

Ngày nhận bản sửa: 23/02/2017

Ngày duyệt đăng: 10/03/2017